

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2017/DS-ST
Ngày: 28-8-2017
V/v Tranh chấp về đòi lại
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thảo Huyền;
2. Ông Dương Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Kim Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 376/2017/TLST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp về đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2017/QĐST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Quang P, sinh năm: 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Số 234 đường Trần Phú khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Xuân P, sinh năm: 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số 29/11 khu phố P, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thụy Tường V, sinh năm: 1989 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Số 234 đường Trần Phú khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/6/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Quang P trình bày:

Anh P là chủ dịch vụ cầm đồ Quang P nên anh có nhận cầm cố của chị Lê Thị Xuân P 03 chiếc xe thời gian cụ thể như sau: ngày 21/6/2014 một xe Yamaha Sirius biển số 70B1-259.21, ngày 01/8/2014 một xe Jupiter biển số 70L9-5364, ngày 21/4/2015 xe cub 81 biển số 70K1-1913 nhưng khi đến khoảng giữa năm 2015 chị P không có tiền chuộc lại nên đã giao xe cho anh và anh đã thanh lý xong. Đến chiều cùng ngày 01/8/2014 chị P đến nhà anh hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng nên anh đồng ý. Anh P lập hợp đồng vay có chữ ký của hai bên, giao cho chị P giữ 01 bản đề ngày vay 01/8/2014, anh giữ 01 bản để ghi nội dung sau nhưng do quên ngày nên anh ghi nhầm vào ngày 02/8/2014 nhưng thực chất hai hợp đồng vay là một và cùng số tiền vay 5.000.000 đồng; thời hạn vay là 1 tháng; lãi suất thỏa thuận 4%/tháng; chị P có đóng lãi được 1 tháng nhưng không có giấy tờ là ngưng cho đến nay. Sau này anh có đến nhà chị P nhiều lần để yêu cầu trả tiền nhưng chị P hứa hẹn không chịu trả.

Nay anh P khởi kiện yêu cầu chị P trả cho anh số tiền gốc 5.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Xuân P trình bày:

Vào ngày 21/6/2014 chị có cầm cố cho anh P 01 chiếc xe Yamaha Sirius biển số 70B1-259.21 với giá 12.000.000 đồng; đến ngày 01/8/2014 chị tiếp tục cầm 01 chiếc xe Jupiter biển số 70L9-5364 với giá 14.000.000 đồng; ngày 21/4/2015 chị cầm thêm 01 chiếc xe cub 81 biển số 70K1-1913 với số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 26/10/2015 chị không có khả năng đóng lãi nữa nên anh P yêu cầu chị đến Ủy ban nhân dân phường Ninh Thạnh để thực hiện thủ tục giao 3 chiếc xe nói trên cho anh P để trừ nợ. Từ đó cho đến nay chị không có cầm cố tài sản gì cho anh P nữa.

Chị P xác nhận giữa chị với anh P chỉ có quan hệ cầm cố xe, chị không có vay tiền của anh P. Chị xác định nguồn gốc hợp đồng vay tiền của anh P là do vào ngày 01/8/2014 sau khi chị cầm xe Jupiter biển số 70L9-5364 với giá 14.000.000 đồng, thì anh P có điện thoại kêu chị ra quán cà phê Phương Trinh thuộc phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh để ký tên hợp thức hóa cho anh P 2 giấy nợ cho đủ số tiền 14.000.000 đồng, bao gồm 01 giấy biên nhận cầm đồ 9.000.000 đồng và 01 giấy vay tiền 5.000.000 đồng cùng ngày 01/8/2014; mỗi biên nhận làm 2 bản, anh P giữ một bản và chị giữ một bản; bản của chị giữ thì anh P có viết nội dung còn bản của anh P giữ thì chỉ viết số tiền, không có viết nội dung.

Do đó anh P yêu cầu trả số tiền 5.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 02/8/2014 thì chị không đồng ý vì giấy nợ đó do anh P ghi thêm vào vì thực tế chị không có vay tiền của anh P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: chị Võ Thụy Tường V thống nhất lời trình bày của anh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Quang P về việc yêu cầu chị P trả số tiền 5.000.000 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thụy Tường V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị V là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi nên không áp dụng thời hiệu và quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về đòi lại tài sản” là phù hợp.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án anh P xác nhận giữa anh với chị P chỉ có phát sinh một hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2014 với số tiền 5.000.000 đồng và là chứng cứ khởi kiện của anh P đã cung cấp cho Tòa, ngoài ra giữa anh chị không có xác lập một hợp đồng vay tiền nào khác. Tuy nhiên, sau khi anh P nhận được chứng cứ do chị P cung cấp thì anh thay đổi lời khai, anh trình bày vào ngày 01/8/2014 anh có cho chị P vay tiền, anh lập hợp đồng vay có chữ ký của hai bên, giao cho chị P giữ 01 bản đề ngày vay 01/8/2014, anh giữ 01 bản để ghi nội dung sau nhưng do quên ngày nên anh ghi nhầm ngày 02/8/2014 nhưng thực chất hai hợp đồng vay là một và cùng số tiền 5.000.000 đồng. Do đó xét lời trình bày và chứng cứ khởi kiện của anh P là không thống nhất, cho vay ngày 01/8/2014 nhưng chứng cứ khởi kiện là hợp đồng vay ngày 02/8/2014.

[4] Xét lời trình bày và chứng cứ do chị P cung cấp thể hiện cùng ngày 01/8/2014 giữa chị P với anh P, chị V (vợ anh P) phát sinh các loại hợp đồng và được anh P xác nhận là chữ viết và chữ ký của anh và vợ anh, thể hiện như sau: 01 biên nhận cầm đồ thể hiện chị P cầm chiếc xe Jupiter biển số 70L9-5346 số tiền 14.000.000 đồng, người lập phiếu là chị Võ Thụy Tường V; 01 biên nhận cầm đồ thể hiện chị P cầm

chiếc xe Jupiter biển số 70L9-5346 số tiền 9.000.000 đồng, người lập phiếu anh Phan Quang P; 01 hợp đồng vay tiền với số tiền vay 5.000.000 đồng có chữ ký của bên cho vay là anh Phan Quang P. Như vậy cùng một ngày 01/8/2014 lại phát sinh hai giấy biên nhận cầm đồ với cùng một chiếc xe nhưng với số tiền khác nhau; trong đó 01 giấy biên nhận cầm đồ do anh P viết với số tiền 9.000.000 đồng và 01 hợp đồng vay tiền 5.000.000 đồng cộng lại bằng với số tiền tại biên nhận cầm đồ do chị V viết là 14.000.000 đồng. Do đó lời trình bày và chứng cứ chị P cung cấp có cơ sở để chứng minh hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2014 với số tiền 5.000.000 đồng giữa anh P và chị P là không có thật.

Trong khi đó chị P và anh P đều xác nhận vào ngày 01/8/2014 chị P có ký tên cho anh P hai bản hợp đồng vay, mỗi người giữ 01 bản. Anh P giữ 01 bản ghi nội dung vào sau nhưng không nhớ ngày nên ghi nhầm ngày 02/8/2014 và anh thừa nhận hợp đồng vay ngày 02/8/2014 là chứng cứ anh kiện chị P chính là hợp đồng vay ngày 01/8/2014 chị P cung cấp.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên cho thấy rằng hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2014 và ngày 02/8/2014 với số tiền vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tháng, lãi suất 4%/tháng giữa bên A (bên cho vay) anh Phan Quang P và bên B (bên vay) chị Lê Thị Xuân P là một nhưng thực tế không có việc vay tiền mà nhằm mục đích để che đậy một giao dịch khác. Mặc khác hợp đồng vay ngày 02/8/2014 của anh P cung cấp được xác lập không trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết thỏa thuận, thiện chí, trung thực nên không có giá trị pháp lý. Do đó anh P yêu cầu chị P trả cho anh số tiền gốc 5.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Quang P về việc yêu cầu chị Lê Thị Xuân P trả số tiền gốc 5.000.000 đồng. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của anh P không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Quang P “Tranh chấp về đòi lại tài sản” số tiền 5.000.000 đồng đối với chị Lê Thị Xuân P;

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Xuân P không phải chịu tiền án phí.

Anh Phan Quang P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số

0004253 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Anh P đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án; chị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS Tp Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lắm